

Nghiên cứu nhu cầu và động lực học tiếng Nhật của sinh viên ngành Đông phương học tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Hứa Thị Hương*, Nguyễn Thị Hoài Thương**

*ThS. Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

**SV. Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Received: 04/12/2023; Accepted: 08/12/2023; Published: 15/12/2023

Abstract: In the context of integration and globalization, foreign language learning is considered a “hot” field of study and receives a lot of attention and interest from young people. Vietnam has been establishing strategic partnerships with many countries in Europe and Asia, including Japan. It can be seen that Japan is increasingly opening up more career opportunities for Vietnam because the number of people learning Japanese is also increasing day by day. With the demands of effort in learning Japanese, learning about learning needs as well as finding and improving motivation to learn is extremely important and highly practical. From there, students grasp their own needs and motivation to meet the needs of society after graduation.

Keywords: Learning needs, motivation, students, self-study.

1. Mở đầu

Học ngoại ngữ đã và đang là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa ngày nay. Việc trang bị kiến thức ngoại ngữ cho sinh viên (SV), học sinh là con đường tốt nhất giúp hội nhập vào sự phát triển của quốc tế.

Nhu cầu và động lực - hai trong số những yếu tố quan trọng trong việc học tốt ngoại ngữ. Chúng tôi sử dụng bảng hỏi đối với SV ngành ngôn ngữ Nhật, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, đồng thời tìm hiểu xem các yếu tố có ảnh hưởng như thế nào đến nhu cầu học tiếng Nhật của SV. Do đó tôi lựa chọn đề tài “*Tìm hiểu về nhu cầu và động lực học tiếng Nhật của sinh viên ngành Đông phương học tại Trường DHCN Đồng Nai*” để bài viết giúp cho SV xác định được mục tiêu, xây dựng kế hoạch học tập cụ thể, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng, nắm bắt và điều chỉnh chương trình dạy phù hợp với nhu cầu của sinh viên, nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về nhu cầu và nhu cầu học tập

Đối với “nhu cầu” trong việc học ngoại ngữ thường được phân chia thành nhu cầu đích và nhu cầu học tập. Nhu cầu đích được phân ra thành những gì người học cần học, những gì người học chưa có và những gì người học muốn có. Những gì người học cần là những cái họ phải biết để giao tiếp một cách có hiệu quả trong những tình huống đích. Có lẽ việc chỉ quan tâm đến những gì người học cần học không thôi thì

chưa đủ. Những người có công tác đào tạo còn phải quan tâm đến những gì người học đã biết để có thể xác định được những gì người học thiếu. Trình độ tổng thể ban đầu và trình độ tổng thể cuối cùng của người học phải khớp nối và phù hợp với nhau. Khoảng trống này chính là những gì người học chưa có.

Tóm lại, tìm hiểu nhu cầu là việc làm cần thiết, là bước khởi đầu quan trọng trong công tác giảng dạy và học tập. Trong khuôn khổ của bài viết này chỉ giới hạn vào phân tích nhu cầu học tiếng Nhật của SV ở khía cạnh nhu cầu khách quan và chủ quan để tìm ra những gì họ cần có, những gì mà họ cảm thấy thiếu và những gì họ muốn có, lấy chúng làm cơ sở để xuất những hoạch định cần thiết cho những khóa học tiếng Nhật phù hợp, đạt hiệu quả cao.

2.2. Cơ sở lý luận về động lực và động lực học tập.

Chúng ta thường hiểu động lực có các dạng sau:

Thứ nhất là nội động lực, được hiểu là mong muốn xuất phát từ bản thân người học. Nội động lực gắn liền với thực hiện hành vi bởi những hứng thú liên quan trực tiếp đến hành động chứ không vì một kết quả không có liên quan (Ví dụ: SV ngôn ngữ Nhật chăm chỉ học bài vì cảm thấy tiếng Nhật rất thú vị). Đây là sự phân biệt cơ bản nhất giữa động cơ bên trong với động lực bên ngoài.

Thứ hai là ngoại động lực, theo E. Deci và R. Ryan (2000, tr.54-67), gắn với việc thực hiện một hành động để đạt được một kết quả không liên quan đến hành động, được các nhà nghiên cứu chia thành bốn

nhóm theo mức độ tự chủ từ thấp đến cao. Mức độ điều chỉnh thấp nhất là điều chỉnh bên ngoài, mức độ tiếp theo là điều chỉnh nội nhập, mức độ cao hơn là điều chỉnh đồng nhất, ngoại lực có mức tự chủ cao nhất là điều chỉnh hợp nhất.

Cuối cùng là những trường hợp không có động lực là trạng thái không có mong muốn và không có ý định thực hiện hành động. Hành động không bắt nguồn từ ý muốn của bản thân nên không cảm thấy mình có năng lực và vì thế mà không đạt được kết quả như mong đợi. Theo lý thuyết này, động cơ bên trong và hai loại động cơ bên ngoài là điều chỉnh đồng nhất và điều chỉnh hợp nhất là những loại động cơ mang tính tự quyết.

Ở phạm vi nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu xét theo hai nguồn động lực là ngoại động lực và nội động lực để khảo sát SV về môn học tiếng Nhật.

2.3. Đánh giá thực trạng nhu cầu và động lực học của SV Đông phương học - Nhật Bản học

Với hệ thống đào tạo theo tín chỉ trong quá trình học tập SV phải chủ động tự mình trao đổi tri thức, kỹ năng để đáp ứng chương trình học và nhu cầu của xã hội. Ngoài những yếu tố cần thiết như sự hướng dẫn của giảng viên, tinh thần tự học thì nhu cầu và động lực học là yếu tố quan trọng tiên quyết giúp SV hiểu, và xây dựng được kế hoạch học tập cụ thể để tiếp cận được nhu cầu việc làm nhiều biến động như hiện nay.

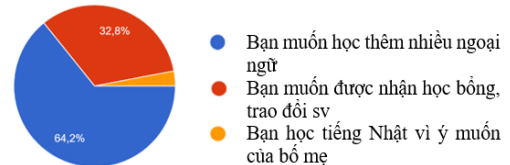
Qua khảo sát 120 SV ngành Đông phương học - Nhật Bản học về nhu cầu học tiếng Nhật thu được số liệu sau: Có 89,6% SV cho rằng học tiếng Nhật vì muốn nâng cao cơ hội tìm được công việc tốt sau khi tốt nghiệp, 10,4% cho rằng học tiếng Nhật vì muốn giao tiếp nhằm nghiên cứu và mở rộng sự hiểu biết và không có SV nào cho rằng mình không có nhu cầu học tập. Từ đó cho thấy sinh viên tự nhận thức rõ ràng và đúng đắn về vai trò cũng như tính cần thiết của việc xác định nhu cầu học ngoại ngữ cũng như nhu cầu học tiếng Nhật của mình.



Hình 2.1. Nhu cầu học tiếng Nhật

Tuy nhiên, về động lực học tiếng Nhật thu được kết quả có 64,2% SV trả lời động lực học là (*Bạn muốn học thêm nhiều ngoại ngữ*), là câu hỏi liên quan đến các động lực xuất phát từ ý muốn bên trong người học mà không phải liên quan đến kết quả, người học

cơ bản chỉ muốn học hỏi thêm nhiều kiến thức chứ không vì mục đích đã đạt ra cho công việc tương lai. 32,8% SV chọn (*Bạn muốn được nhận học bổng trong các chương trình trao đổi SV với các trường đại học ở Nhật*), câu hỏi được hỏi để xác định yếu tố học bổng du học nước ngoài - hiện đang được người học rất chú ý và quan tâm đến trong thời kỳ hội nhập hóa hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đối với mục tiêu của người học tiếng Nhật. Từ đó người học sẽ luôn có động lực và quyết tâm cao mà cố gắng học tập để đạt được mục tiêu đã đề ra. Và có 3% (*Bạn học tiếng Nhật vì ý muốn của bố mẹ*) cũng là câu hỏi thuộc về nội dung ngoại động lực, tuy nhiên là ngoại động lực với mức độ điều chỉnh thấp, chủ yếu là do tác động bên ngoài chi phối (làm cho bố mẹ hài lòng) chứ không phải là xuất phát từ mục đích của người học, điều này ảnh hưởng rất lớn đến động lực học của SV khi mục đích ban đầu không được bản thân lựa chọn.



Hình 2.2. Động lực học tiếng Nhật

Qua bảng khảo sát tình hình thu thập được như trên ta có thể nhận thấy hầu hết các bạn SV ngày nay khi tham gia học tập tại trường đều hiểu và biết rằng nhu cầu và động lực học là rất quan trọng và cần thiết để có sự hứng thú tích cực chủ động học tập. Tuy nhiên lại chưa chú tâm hoặc chưa có định hình đúng đắn để lên kế hoạch học tập cụ thể đáp ứng được nhu cầu ban đầu.

2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu và động lực học tiếng Nhật của sinh viên.

Có thể thấy yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu và động lực học tiếng Nhật, gồm 4 yếu tố: GV giảng dạy, môi trường học và tài liệu học tập, tự học và nghề nghiệp tương lai.

2.4.1. Đội ngũ giảng viên giảng dạy

GV thường xuyên cập nhật thông tin và kiến thức chuyên ngành nhằm khảo sát đánh giá của SV về sự chuẩn bị giáo trình giảng dạy, sự cập nhật thông tin phù hợp với xã hội của GV, từ đó có thể tạo hứng thú cũng như động lực học tập cho SV. Định hướng được nhu cầu học tập, nhu cầu xã hội đối với ngành học để SV tiếp cận và thay đổi thái độ học, phương pháp học hiệu quả.

GV nhiệt tình, chu đáo và quan tâm đến tình hình học tập của SV, thái độ của GV cũng là những yếu tố quan trọng giúp sinh viên tiếp cận kiến thức một cách

tự nhiên, có thể thấy giảng viên ngoài sự chuẩn bị bài giảng phù hợp, mà sự chu đáo và quan tâm từ giảng viên cũng một phần tạo động lực cho SV lĩnh hội kiến thức cách hiệu quả.

2.4.2. Môi trường học và tài liệu học tập

Phòng học sạch sẽ và trang thiết bị dạy học hiện đại, hoạt động tốt, với một môi trường học tập tốt, âm thanh thiết bị, ánh sáng tốt và không bị ảnh hưởng từ bên ngoài cũng là một nhân tố hỗ trợ cho việc dạy và học tốt tiếng Nhật tại lớp học.

Bên cạnh đó, số người học trong cùng một môi trường lớp học thì sĩ số lớp học hợp lý với môn học chuyên ngành tiếng Nhật, đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới công tác đào tạo SV, SV trong cùng một lớp học sẽ có những trình độ đầu vào và khả năng tiếp thu bài khác nhau và SV liệu có cho rằng sự chênh lệch đó có ảnh hưởng tới động lực học tập của họ hay không.

Sách giáo trình phù hợp với trình độ học tập của SV tại trường, có thể tự tìm kiếm tài liệu tiếng Nhật chuyên ngành tại thư viện trường hay không? là câu hỏi liên quan đến tài liệu học tập giáo trình có thật sự phù hợp với trình độ tổng thể của các SV trong lớp học và sinh viên có dễ dàng tìm kiếm các tài liệu tiếng Nhật có sẵn trong thư viện nhà trường, thư viện số, mạng internet..

2.4.3. Hoạt động tự học

Ngoại ngữ - dù là bất cứ ngôn ngữ nào cũng đòi hỏi sự chăm chỉ học tập, rèn luyện và đặc biệt là ý thức tự học. Đối với tiếng Nhật ngôn ngữ được xếp vào những ngôn ngữ khó nhất thế giới với lượng ngữ pháp, từ vựng và nghe hiểu rất nhiều, lại là kiểu chữ tượng hình khó ghi nhớ. Để nắm bắt hết nội dung của một bài không phải là điều dễ nếu chỉ học bài đó trên lớp, do đó ngoài giờ học với giáo viên các bạn cần có thời gian tự học ở nhà hay ở bên ngoài như các câu lạc bộ, thư viện, học nhóm, trao đổi học thuật...Việc tự học ngoại ngữ đối với SV nói chung và sinh viên Khoa Ngoại ngữ nói riêng không thể tránh khỏi những khó khăn.

Đối với SV khoa ngoại ngữ, cụ thể là SV ngành Đông phương học – Nhật Bản học khi học không chỉ học mỗi ngôn ngữ tiếng nói mà còn cả học hỏi về lịch sử, dân cư, địa lí, hệ thống chính trị và văn hóa của đất nước Nhật nữa. Thời gian làm bài tập về nhà, chuẩn bị trước bài học hay học thêm online hàng ngày.

2.4.4. Nghề nghiệp tương lai

Yếu tố Nghề nghiệp được SV ảnh hưởng lớn tới nhu cầu học tập, yếu tố để lựa chọn học ngoại ngữ của SV. SV học tiếng Nhật để có nhiều sự lựa chọn cho

công việc tương lai, lợi ích của việc học ngoại ngữ là người học có thể có nhiều sự lựa chọn cho công việc sau khi tốt nghiệp, chẳng hạn như giảng dạy, biên phiên dịch, du học nước ngoài, v.v... hoặc khi người học bổ sung thêm ngoại ngữ.

Với mong muốn vị trí làm việc ổn định và lương cao, thu nhập cao là một trong những yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Một người có thêm một kỹ năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài chính là một lợi thế trong mắt nhà tuyển dụng.

3. Kết luận

Học ngoại ngữ đang là nhu cầu tất yếu trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế, gia nhập thế giới hiện nay. Dù là giảng dạy hay học tập cũng cần nhiều sự cải tiến, nhiều phương pháp khác nhau để đạt được hiệu quả cao nhất. Không chỉ là học ngôn ngữ, chúng ta còn có thể vận dụng cả những nét văn hóa của đất nước đó vào việc thay đổi phương pháp dạy học cũng như phương pháp tiếp thu của SV. Từ các kết quả của các bài nghiên cứu trên, ta có thể thấy rằng SV lựa chọn học ngoại ngữ đã xác định được mục tiêu cụ thể mà chủ yếu là nghề nghiệp tương lai ổn định. Việc nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường sẽ giúp người học chuẩn bị tốt cho các vị trí đòi hỏi sự thông thạo ngoại ngữ sau này. Từ tình hình trên, GV có thể xác định được nội dung giảng dạy và áp dụng phương pháp dạy phù hợp với nhu cầu của SV, giúp SV có nhiều động lực để học tốt ngoại ngữ. Qua đó nhà trường cũng xem xét lại về các điều kiện cần và đủ về các yếu tố liên quan đến môi trường học tập, tài liệu cũng như chương trình giảng dạy phù hợp đáp ứng nhu cầu của SV, cũng như nhu cầu việc làm xã hội sau khi SV tốt nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Viết Dũng (2011). *Tăng cường động cơ học tập ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng. Ngôn ngữ và đời sống*, 12(194), tr.6-10.
- [2] Kaizen teian. *Japan human relations association* (Hiệp hội quan hệ con người Nhật Bản). Kaizen teian. NXB lao động, Trần Quỳnh Hương dịch.
- [3] Vũ Cao Đàm (2008). *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội.
- [4] Bùi Thị Thúy Hằng (2010). *Động cơ học tập theo lý thuyết về sự tự quyết*.
- [5] Trần Thị Thu Trang (2020). *Khảo sát động lực học tiếng Đức của sinh viên Khoa ngôn ngữ và Văn hóa Đức*. Tạp chí nghiên cứu nước ngoài, 36(5), tr.128-136.
- [6] E. Deci và R. Ryan. *Intrinsic and extrinsic motivations*, (2000, tr.54-67).